

Số: /SKHCN-KHTC
V/v hướng dẫn nội dung chi và áp dụng,
sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi
trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư dự
án Công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2025

Kính gửi:

- Các Ban của Tỉnh uỷ;
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng UBND tỉnh.
- Thanh tra tỉnh;
- Chi cục Thuế khu vực X;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực VII;
- Toà án Nhân dân tỉnh.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025 theo Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình số 04-CTr/BCĐ ngày 19/5/2025 về công tác trọng tâm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh năm 2025 và Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các ngành, đơn vị nội dung chi và áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư dự án Công nghệ thông tin, chuyển đổi số cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG CHI

1. Nội dung chi đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển và hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 24 Điều 3¹ Nghị định số

¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

73/2019/NĐ-CP sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 19 và Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

2. Nội dung chi đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 51² Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, bao gồm các chi phí:

a) Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại).

b) Chi gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng); bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục 12 Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

c) Chi quản trị, vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục 11 Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024), dịch vụ an toàn thông tin mạng (chi dịch vụ kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, chi dịch vụ giám sát an toàn thông tin, dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin); dịch vụ an ninh mạng.

d) Chi tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu, gồm: chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin); duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu.

đ) Chi bảo đảm hoạt động thường xuyên cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, gồm:

- Mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử.

- Chi bảo đảm nhân lực cho cổng/trang thông tin điện tử gồm: Nhân lực biên tập, nhân lực quản trị kỹ thuật.

- Chi bảo trì, bảo dưỡng cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm.

- Chi nâng cấp, chỉnh sửa cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi mua

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

sắm, nâng cấp phần mềm.

e) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 3³ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP như: Chi quản lý, vận hành, bảo trì, duy trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; chi trang bị, cập nhật bản quyền phần mềm thương mại; dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và an ninh, an toàn thông tin; thuê đường truyền; duy trì tên miền; thuê hosting; thuê chỗ đặt máy chủ; thuê phần cứng máy chủ; thuê máy chủ ảo; thuê máy chủ; thuê tủ rack; thuê lưu trữ; ...

g) Chi các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

h) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên không thuộc hoạt động quy định tại Khoản 24 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

3. Nội dung chi đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 3⁴ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

II. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ HỆ THỐNG THÔNG TIN, PHẦN CỨNG, PHẦN MỀM, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 24 ĐIỀU 3 NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chi phí xây lắp

2.1. Chi phí lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng trong công tác lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Quyết

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

định số 1601/QĐ-BTTTT.

2.2. Chi mua sắm vật tư, vật liệu, phụ kiện mạng: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng (quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024).

3. Chi phí trang thiết bị

3.1. Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp thiết bị cho dự án hoặc giá những thiết bị tương tự về công suất, công nghệ trên thị trường tại thời điểm tính toán hoặc thiết bị tương tự của dự án đã và đang thực hiện (quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024).

3.2. Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ: Được xác định theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp tính chi phí hoặc theo báo giá hoặc kết hợp các phương pháp.

a) Phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia, theo báo giá, kết hợp các phương pháp thực hiện theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024.

b) Phương pháp tính chi phí thực hiện theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 và Quyết định số 671/QĐ-BTTTT ngày 26/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ.

c) Đối với phần mềm được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng dựa trên phần mềm thương mại, phần mềm nguồn mở, nền tảng số, bộ khung mã lệnh (framework), ... hoặc được xây dựng, phát triển dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), ..., chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm được xác định theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp tính chi phí hoặc theo báo giá hoặc kết hợp các phương pháp. Chi phí phần mềm thương mại, nền tảng số, framework, ... được xác định theo phương pháp xác định chi phí trang thiết bị công nghệ thông tin;

3.3. Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

3.4. Chi phí lắp đặt trang thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết

bị và phần mềm: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014.

3.5. Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyên giao ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với hạng mục đào tạo chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

3.6. Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có): Được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024.

4. Chi phí quản lý dự án và giám sát, đánh giá đầu tư

4.1. Định mức chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4.3. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

5. Chi phí tư vấn đầu tư

5.1. Chi phí tư vấn đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

5.2. Đối với các công việc thuê tư vấn chưa có định mức công bố tại Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 như: Chi phí khảo sát; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp; thẩm

tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập thiết kế chi tiết, điều chỉnh, bổ sung thiết kế chi tiết; điều chỉnh dự toán; lập định mức, đơn giá; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư và các công việc tư vấn khác thì lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 để xác định chi phí hoặc vận dụng mức chi phí của các dự án tương tự đã thực hiện.

6. Chi phí khác

6.1. Phí thẩm định dự án: Thực hiện theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

6.2. Chi phí kiểm toán độc lập; thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Vận dụng theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6.3. Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm: Thực hiện theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 và Công văn số 3787/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm.

6.4. Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; lệ phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thẩm định giá: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng.

7. Chi phí dự phòng: Thực hiện Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Chi nhân công: Thực hiện theo Quyết định số 320/QĐ-BTTTT ngày 30/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

9. Chi phí lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

10. Chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo Quyết định số 1872/QĐ-BTTTT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền

thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở.

III. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 51 NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP

1. Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.1 Mục II.

2. Chi gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng): Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

Chi quản trị, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp dịch vụ hoặc lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

Chi phí thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

3. Chi tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyên đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu:

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và năng lực đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) công nghệ thông tin, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp vượt quá khả năng thực hiện, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài để thực hiện. Việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng và hoá đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

c) Việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư của Bộ quản lý chuyên ngành như: Thông tư 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; các định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

Đối với chi chuẩn hóa dữ liệu: Tham khảo theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011.

4. Chế độ nhuận bút chi trả cho tin, bài (nội dung thông tin)

a) Tin, bài được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (không phải là báo điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

b) Tin, bài được đăng trên báo in, báo điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử.

IV. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI LẬP DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường: Giá thuê dịch vụ (tính theo đơn giá của từng dịch vụ sử dụng hoặc đơn giá sản phẩm đầu ra của dịch vụ) được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất dịch vụ tại thời điểm thuê dịch vụ.

2. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường

2.1. Việc lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

a) Chi phí thuê dịch vụ:

- Chi phí thuê dịch vụ được xác định bằng một trong các phương pháp sau: Phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp lấy báo giá; phương pháp tính chi phí; kết hợp các phương pháp.

- Phương pháp tính chi phí thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.2 Mục này.

b) Chi phí quản lý: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

c) Chi phí tư vấn:

- Chi phí tư vấn lập kế hoạch thuê; tư vấn thẩm tra kế hoạch thuê; tư vấn giám sát thực hiện (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

- Chi phí đối với các công việc tư vấn khác: Lập dự toán theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

d) Chi phí khác:

- Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm; thẩm định giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.3, 6.4 Mục II.

2.2. Chi phí thuê dịch vụ trong trường hợp được xác định theo phương pháp tính chi phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Một số chi phí được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Chi phí dịch vụ:

- Chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2, điểm 3.1, 3.2, 3.4 Mục II.

- Giá trị còn lại của tài sản cấu thành dịch vụ của bên cho thuê tại thời điểm kết thúc thời gian thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng sau khi trích hao mòn, khấu hao theo quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định (S): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

b) Chi phí bảo trì dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục III.

c) Chi phí quản trị, vận hành dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục III.

d) Chi phí khác liên quan đến cung cấp dịch vụ:

- Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.3 Mục II.

- Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.5 Mục II.

- Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; chi phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thuê hosting; chi phí thuê chỗ đặt máy chủ; chi phí thuê lưu trữ; chi phí tin nhắn

thông báo; chi phí tổng đài hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.4 Mục II.

2.3. Chi phí nhân công; chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện); chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 8, 9, 10 Mục II.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một nội dung chi, định mức, đơn giá, mức chi thì áp dụng theo nguyên tắc quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu tại hướng dẫn này có văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Trên đây là nội dung hướng dẫn áp dụng hệ thống định mức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các đơn vị nghiên cứu, áp dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/cáo);
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Trần Duy Bình

